

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/DS-PT
Ngày 19 - 02 - 2020
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất,
yêu cầu di dời tài sản trên đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Sơn.

Thẩm phán: Ông Cao Đức Chiến;

Bà Nguyễn Thị Minh Thùy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 tháng 01 năm 2020 và ngày 19 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 55/2019/TLPT-DS ngày 06 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu di dời tài sản trên đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2019/DSST ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 77/2019/QĐ-PT ngày 20/12/2019; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 01/2020/QĐ-PT ngày 07/01/2020 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/2020/QĐPT-DS ngày 20/01/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Vi Thị C; địa chỉ: Thôn N, thị trấn D, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Vi Thị C: Bà Nông Thị S; địa chỉ: Thôn N, thị trấn D, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (văn bản ủy quyền ngày 20 tháng 5 năm 2019), có mặt.

- Bị đơn: ông Tàng Văn M: Thôn N, thị trấn D, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nông Thị B; địa chỉ: Thôn N, thị trấn D, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nông Thị B: Bà Nông Thị S; địa chỉ: Thôn N, thị trấn D, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (văn bản ủy quyền ngày 04 tháng 7 năm 2019), có mặt.

2. Bà Nông Thị S; địa chỉ: Thôn N, thị trấn D, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

3. Ông Tàng Văn T; địa chỉ: Thôn N, thị trấn D, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

4. Ông Tàng Văn N; địa chỉ: Thôn N, thị trấn D, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

5. Ông Tàng Văn D(đã chết năm 2018). Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Tàng Văn D:

+ Bà Lành Thị T, sinh năm 1984; nơi cư trú: Thị trấn D, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

+ Chị Tàng Thị L, sinh năm 2002, nơi cư trú: Thị trấn D, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

6. Bà Tàng Thị T (đã chết năm 2014)

7. Bà Tàng Thị H, sinh năm 1971; địa chỉ: Thị trấn D, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bà Nông Thị S là người được ủy quyền của nguyên đơn bà Vi Thị C.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án dân sự sơ thẩm, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bà Vi Thị C với ông Tàng Văn M tranh chấp với nhau diện tích 238,0 m² là đất rừng sản xuất thuộc một phần thửa đất số 81, tờ bản đồ chỉnh lý đo đạc năm 2016 của Thị trấn D, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Đất tranh chấp nằm trọn trong thửa 81, tờ bản đồ 9d, bản đồ địa chính đo đạc chỉnh lý năm 2016 của thị trấn N. Tổng diện tích toàn thửa là 1.336,2 m². Thửa đất hiện nay đứng tên trong sổ mục kê năm 2015 mang tên ông Tàng Văn T, diện tích đất tranh chấp có các mặt tiếp giáp như sau:

- Phía Đông Bắc cạnh 4-5 dài 15,56m;
- Phía Đông Nam cạnh 5-1 dài 11,66m;
- Phía Tây Nam cạnh 1-2 dài 14,04m ;

- Phía Tây Bắc cạnh 2 – 3 dài 12,08m; cạnh 3-4 dài 9,43m tổng chiều dài cạnh: 21,51m.

Người được ủy quyền của nguyên đơn bà Nông Thị S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về phía nguyên đơn trình bày: nguồn gốc đất hiện đang tranh chấp với ông Tàng Văn M có địa danh là Khau Vành Tinh, thuộc Thôn N, thị trấn D, huyện L, tỉnh Lạng Sơn do bố mẹ bà quản lý canh tác từ năm 1979. Năm 1984, Nhà ga N múc một phần đất trên diện tích đất này để lấp làm đường tàu. Đến năm 1986 thì Nhà ga không lấy đất nữa thì gia đình bà trồng cây liễu lá nhỏ (Bạch đàn lá liễu) và cây chè. Sau đó gia đình bà không canh tác gì trên diện tích đất tranh chấp này. Tháng 01 năm 2019 chị gái của bà là Nông Thị B lên khu đất tranh chấp trồng cây Dứa thì xảy ra tranh chấp với ông Tàng Văn M. Do vậy, bà Vi Thị C ủy quyền cho bà Nông Thị S nộp đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp. Vụ việc được Ủy ban nhân dân Thị trấn D, huyện L, tỉnh Lạng Sơn hòa giải nhưng không thành. Vì vậy, bà Nông Thị S khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết công nhận bà được quản lý, sử dụng 238,0 m² diện tích đất tranh chấp và yêu cầu ông Tàng Văn M di dời 17 cây Bạch đàn; 01 cây dã hương; 01 cây xoan ra khỏi diện tích tranh chấp; Còn những cây ăn quả của các gia đình xung quanh trên diện tích đất này bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Tàng Văn M và những người có quyền lợi liên quan trình bày: nguồn gốc diện tích đất tranh chấp là của bố mẹ ông đã canh tác từ trước năm 1984, khi ông lớn lên thì ông được cùng bố mẹ đi canh tác trồng đỗ, trồng sắn, trên diện tích đất tranh chấp. Năm 1983 bố ông là Tàng Văn T lên khu vực này trồng cây Bạch Đàn lá nhỏ (Bạch Đàn lá Liễu). Năm 1984, Nhà ga N lấy đất để rải đường tàu. Đến năm 1990 em trai ông là Tàng Văn T trồng cây Keo, từ đó đến nay anh, em nhà ông thay nhau, chăm sóc và bảo vệ nên mới tồn tại cho đến bây giờ, khi còn sống bố của ông là Tàng Văn T đã tiến hành kê khai và đã được Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn quyết định về việc công nhận quyền sử dụng đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Quyết định số: 2221/QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2007. Việc bà Nông Thị S khởi kiện ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông đề nghị được quản lý, sử dụng 238,0 m² và toàn bộ cây trên đất theo như Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ.

Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 06 tháng 8 năm 2019, diện tích tranh chấp là 238,0 m² là đất rừng sản xuất, địa danh là Khau Vành Tinh, thuộc Thôn N, thị trấn D, huyện L, tỉnh Lạng Sơn thuộc một phần thửa đất số 81, tờ bản đồ chỉnh lý đo đạc năm 2016 của thị trấn D, theo hồ sơ quản lý đất đai thửa đất trên mang tên ông Tàng Văn T (chết năm 2007). Trên diện tích đất tranh chấp có 31 cây Bạch Đàn đường kính gốc dưới 05 cm (trong đó 25 cây do anh Tàng Văn M trồng mới; 06 cây mọc tái sinh); 07 cây đường kính gốc từ 07 đến 10 cm; 01 cây đường kính gốc trên 30 cm; 01 cây chè. Diện tích đất tranh chấp nằm trọn vẹn trong thửa 81, tờ bản đồ chỉnh lý đo đạc năm 2016 của thị trấn D, theo hồ sơ quản lý đất đai thửa đất trên mang tên ông Tàng Văn T hiện nay con trai ông là Tàng Văn M đang quản lý và sử dụng.

Tổng giá trị tài sản trên đất là 2.873.000 đồng (hai triệu tám trăm bảy mươi ba nghìn).

Tại Công văn số 1047- UBND -TNMT ngày 30/8/2019 của Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn cho rằng: Thửa đất số 81, tờ bản đồ số 9d bản đồ địa chính Thị trấn D chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quy chủ giao nhận diện tích, bản đồ địa chính năm 2000 là ông Tàng Văn T, thôn Na Dương Bản, thị trấn Na Dương huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn. Thửa đất nêu trên nằm trong danh sách các trường hợp đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ban hành kèm theo quyết định số 2221/QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

Với những nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số /2019/DS-ST, ngày tháng năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, đã quyết định: Căn cứ các Điều 35; Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 165; Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Căn cứ Điều 158; Điều 160; Điều 161; Điều 164; Điều 189; Điều 221; Điều 357; Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ 99; Điều 100; Điều 101; Điều 166; Điều 170 Luật Đất đai năm 2013; Căn cứ khoản 1 Điều 24; khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp yêu cầu của nguyên đơn bà Vi Thị C về quản lý và sử dụng 238,0 m² và toàn bộ số cây trên diện tích tranh chấp tại Khu Vành Tinh, thuộc Thôn N, thị trấn D, huyện L, tỉnh Lạng Sơn,

2. Ông Tàng Văn M, Tàng Văn T, Tàng Văn N, Tàng Thị H, người thừa kế tố tụng của anh Tàng Văn D là bà Lành Thị T, chị Tàng Thị L được quyền quản lý và sử dụng 238,0 m² đất và được quyền sở hữu 31 cây bạch đàn đường kính gốc dưới 05 cm (trong đó 25 cây do anh Tàng Văn M trồng mới; 06 cây mọc tái sinh); 07 cây đường kính gốc từ 07 đến 10 cm; 01 cây đường kính gốc trên 30 cm; 01 cây chè tại khu đồi Khu Vành Tinh, thuộc Thôn N, thị trấn D, huyện L, tỉnh Lạng Sơn thuộc một phần thửa đất số 81, tờ bản đồ chỉnh lý đo đạc năm 2016 của thị trấn D, theo hồ sơ quản lý đất đai thửa đất trên mang tên ông Tàng Văn T.

Các cạnh tiếp giáp của thửa đất như sau: Phía Đông Bắc cạnh 4-5 dài 15,56m tiếp giáp thửa 81, tờ bản đồ chỉnh lý đo đạc năm 2016 của Thị trấn D, huyện L, tỉnh Lạng Sơn theo hồ sơ quản lý đất đai thửa đất trên mang tên ông Tàng Văn T hiện nay con trai ông là Tàng Văn M đang quản lý và sử dụng; phía Đông Nam cạnh 5-1 dài 11,66m, tiếp giáp thửa 81, tờ bản đồ chỉnh lý đo đạc năm 2016 của Thị trấn D, huyện L, tỉnh Lạng Sơn theo hồ sơ quản lý đất đai thửa đất trên mang tên ông Tàng Văn T hiện nay con trai ông là Tàng Văn M đang quản lý và sử dụng; phía Tây Nam cạnh 1-2 dài 14,04m tiếp giáp thửa 81, tờ bản đồ chỉnh lý đo đạc năm 2016 của Thị trấn D, huyện L, tỉnh Lạng Sơn theo hồ sơ quản lý đất đai thửa đất trên mang tên ông Tàng Văn T hiện nay con trai ông là Tàng Văn M đang quản lý và sử dụng; phía Tây Bắc cạnh 21,51m tiếp giáp thửa 81, tờ bản đồ chỉnh lý đo đạc năm 2016 của Thị trấn D, huyện L, tỉnh

Lạng Sơn theo hồ sơ quản lý đất đai thừa đất trên mang tên ông Tăng Văn T hiện nay con trai ông là Tăng Văn M đang quản lý và sử dụng. (Có sơ họa kèm theo)

3. Về chi phí tố tụng: Bà Vi Thị C phải chịu chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản là 6.600.000 đồng (sáu triệu sáu trăm nghìn đồng); người đại diện theo ủy quyền của bà Vi Thị C là bà Nông Thị S đã nộp tạm ứng là 8.000.000 đồng (tám triệu đồng), số tiền còn thừa đã trả lại cho bà Vi Thị C 1.400.000 đồng (theo biên bản giao nhận tiền ngày 10 tháng 7 năm 2019 và biên bản trả lại tiền ngày 30 tháng 9 năm 2019).

4. Về án phí: Bà Vi Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng và 300.000 đồng án phí có giá ngạch để sung quỹ Nhà nước.

Tại cấp phúc thẩm: Bà Vi Thị C nộp đơn xin miễn giảm án phí.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên đương sự tự nguyện, thống nhất thỏa thuận:

Gia đình ông Tăng Văn M do ông Tăng Văn M làm đại diện được quyền quản lý và sử dụng 238,0 m² đất và được quyền sở hữu 31 cây bạch đàn đường kính gốc dưới 05 cm (trong đó 25 cây do anh Tăng Văn M trồng mới; 06 cây mọc tái sinh); 07 cây đường kính gốc từ 07 đến 10 cm; 01 cây đường kính gốc trên 30 cm; 01 cây chè tại khu đồi Khau Vành Tinh, thuộc Thôn N, thị trấn D, huyện L, tỉnh Lạng Sơn thuộc một phần thửa đất số 81, tờ bản đồ chỉnh lý đo đạc năm 2016 của thị trấn Na Dương. Gia đình ông Tăng Văn M do ông Tăng Văn M làm đại diện phải trả cho bà Vi Thị C do bà Nông Thị S làm đại diện số tiền là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

Về chi phí thẩm định, định giá: Bà Vi Thị C phải chịu chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản là 6.600.000 đồng (sáu triệu sáu trăm nghìn đồng).

Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự chấp hành đúng qui định của pháp luật tố tụng Dân sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, phía nguyên đơn có kháng cáo; nhưng tại phiên tòa phúc thẩm các bên đương sự đã thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội. vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, đồng thời xét bà Vi Thị C, sinh năm 1940 đến nay đã 80 tuổi được xác định là người già nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí dân sự cho bà Vi Thị C theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết

326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tư cách tố tụng: nguyên đơn bà Vi Thị C đã thực hiện thủ tục ủy quyền cho bà Nông Thị S; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nông Thị B đã thực hiện thủ tục ủy quyền cho bà Nông Thị S để tham gia tố tụng. Tại phiên tòa phúc thẩm, vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác, nhưng phiên tòa đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cũng đều đã có ý kiến tại Tòa án nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

[2] Xét đơn kháng cáo của phía nguyên đơn thấy rằng: Tại phiên tòa phúc thẩm các bên đương sự tự nguyện, thống nhất, thỏa thuận, cụ thể như sau:

[3] Gia đình ông Tàng Văn M do ông Tàng Văn M làm đại diện được quyền quản lý và sử dụng 238,0 m² đất và được quyền sở hữu 31 cây bạch đàn đường kính gốc dưới 05 cm (trong đó 25 cây do anh Tàng Văn M trồng mới; 06 cây mọc tái sinh); 07 cây đường kính gốc từ 07 đến 10 cm; 01 cây đường kính gốc trên 30 cm; 01 cây chè tại khu đồi Khau Vành Tinh, thuộc Thôn N, thị trấn D, huyện L, tỉnh Lạng Sơn thuộc một phần thửa đất số 81, tờ bản đồ chỉnh lý đo đạc năm 2016 của thị trấn Na Dương. Gia đình ông Tàng Văn M do ông Tàng Văn M làm đại diện phải trả cho bà Vi Thị C do bà Nông Thị S làm đại diện số tiền là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

[4] Về chi phí thẩm định, định giá: Bà Vi Thị C chịu chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản tại cấp sơ thẩm là 6.600.000 đồng (sáu triệu sáu trăm nghìn đồng).

[5] Về án phí: Tại cấp phúc thẩm bà Vi Thị C đã có đơn xin miễn án phí. Xét, Bà Vi Thị C, sinh năm 1940 đến nay đã 80 tuổi được xác định là người già nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Trả lại cho bà Vi Thị C 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án số: AA/2012/05673 ngày 21 tháng 10 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

[6] Hội đồng xét xử thấy rằng, việc thỏa thuận giữa các bên đương sự là tự nguyện; nội dung thỏa thuận không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự khác. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 5 và Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa Bản án sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự và việc sửa bản án sơ thẩm là do có tình tiết mới.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định nêu trên nên được chấp nhận.

[8] Các quyết định khác của của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 5, Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2019/DS-ST ngày 30/9/2019 của Toà án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn; công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể:

1. Gia đình ông Tàng Văn M do ông Tàng Văn M làm đại diện được quyền quản lý và sử dụng 238,0 m² đất và được quyền sở hữu 31 cây bạch đàn đường kính gốc dưới 05 cm (trong đó 25 cây do anh Tàng Văn M trồng mới; 06 cây mọc tái sinh); 07 cây đường kính gốc từ 07 đến 10 cm; 01 cây đường kính gốc trên 30 cm; 01 cây chè tại khu đồi Khau Vành Tinh, thuộc Thôn N, thị trấn D, huyện L, tỉnh Lạng Sơn thuộc một phần thửa đất số 81, tờ bản đồ chỉnh lý đo đạc năm 2016 của thị trấn D, theo hồ sơ quản lý đất đai thửa đất trên mang tên ông Tàng Văn T.

Các cạnh tiếp giáp của thửa đất như sau:

- Phía Đông Bắc cạnh 4-5 dài 15,56m;
- Phía Đông Nam cạnh 5-1 dài 11,66m;
- Phía Tây Nam cạnh 1-2 dài 14,04m ;
- Phía Tây Bắc cạnh 2 – 3 dài 12,08m; cạnh 3-4 dài 9,43m tổng chiều dài cạnh: 21,51m. *(Có sơ họa kèm theo)*

2. Gia đình ông Tàng Văn M do ông Tàng Văn M làm đại diện phải trả cho bà Vi Thị C do bà Nông Thị S làm đại diện số tiền là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng); xác nhận bà Nông Thị S đã nhận đủ số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) do ông Tàng Văn M chi trả.

3. Về chi phí tố tụng: Bà Vi Thị C phải chịu chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản tại cấp sơ thẩm là 6.600.000 đồng (sáu triệu sáu trăm nghìn đồng).

4. Trả lại cho bà Nông Thị S số tiền tạm ứng yêu cầu thẩm định, giám định bổ sung tại cấp phúc thẩm là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng); Xác nhận bà Nông Thị S đã nhận đủ.

5. Về án phí: Bà Vi Thị C được miễn án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho bà Vi Thị C 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số: AA/2012/05673 ngày 21 tháng 10 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

6. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hiệu kháng cáo, kháng nghị.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (19/02/2020)./.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao HN;
- VKSND Cấp cao HN;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.
- Chi cục THADS huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- HCTP, KTNV, THA
- Lưu hồ sơ vụ án; Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Xuân Sơn

